

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày 21-6-2022*

*V/v: “Kiện xin ly hôn  
và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Duy.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Lê Thị Tuyết Thanh.*

*Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.*

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm 8, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

\* Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKNKTT: Xóm 8, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án tại đội 38, phân trại 2 Trại giam N.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 8, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa hôm nay chị L, anh H, ông Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn đôi bên đã có thời gian tìm hiểu nhau khoảng ba tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 30/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến năm 2021 anh H bị bắt về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” phải đi chấp hành án phạt tù thời hạn 42 tháng tại Trại giam N. Trước khi anh H phải đi chấp hành án phạt tù vợ chồng đã có những mâu thuẫn trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Phạm Văn H.

\* Tại bản tự khai ngày 16/5/2022 bị đơn anh Phạm Văn H có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi anh bị bắt về hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và phải đi chấp hành án phạt tù thời hạn 42 tháng tại Trại giam Nam Hà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung là Phạm Gia H1 (con trai), sinh ngày 27/01/2015. Hiện nay cháu H1 đang ở ông nội là Phạm Văn Th tại xóm 8, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Khi vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng xin nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị. Con nuôi, con riêng: Không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Th xác định ông là người nuôi dưỡng con chung của chị L, anh H là cháu Phạm Gia H1 từ sau khi anh H bị bắt và đi chấp hành án đến nay. Khi vợ chồng chị L, anh H ly hôn, nếu chị L có nguyện vọng xin nuôi con chung thì ông cũng nhất trí giao cháu H1 cho chị L nuôi dưỡng.

\* Tại phiên tòa hôm nay: Chị L, anh H, ông Th vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án, riêng về phần án phí ly hôn sơ thẩm, chị L tự nguyện nộp toàn bộ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX thấy:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Văn H là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung giữa chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Chị Trịnh Ngọc L, anh Phạm Văn H và ông Phạm Văn Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại UBND xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Ngọc L, HĐXX thấy rằng: vợ chồng đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do anh H vi phạm pháp luật, hiện đang phải đi chấp hành án. Hơn nữa trong các bản tự khai cả chị L và anh H đều công nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa. Thực tế cho thấy chị L xin ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn càng khẳng định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận. Thời điểm chấm dứt quan hệ vợ chồng thực hiện theo Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng xác nhận có một con chung là Phạm Gia H1 (con trai), sinh ngày 27/01/2015. Từ khi anh H đi chấp hành án, cháu H1 do ông nội là Phạm Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc, chị L tuy không đóng góp tiền nuôi con nhưng vẫn về thăm nom và mua đồ dùng cho cháu. Nay chị L và anh H cùng thống nhất giao chị L trực tiếp nuôi con chung, ông Th hoàn toàn nhất trí. Anh H không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật. Do đó HĐXX chấp nhận việc giao con chung của vợ chồng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điều 51, 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H.

Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao chị Trịnh Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Gia H1 (con trai), sinh ngày 27/01/2015. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Con nuôi, con riêng: Không có.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Ngọc L và anh Phạm Văn H mỗi người phải nộp án phí ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), chị L được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000381 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị L, anh H, ông Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã L, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phạm Duy**